

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÁC LĨNH VỰC
LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, TRỒNG TRỌT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số: 1387 /QĐ-UBND ngày 31/7/2026 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

1. Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm: Thủ tục Nộp tiền trồng rừng thay thế (Mã số TTHC: 1.007916)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung trình tự thực hiện và thời hạn giải quyết đối với trường hợp bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác, cụ thể:

a) Bổ sung bước thông báo cho chủ đầu tư dự án

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư dự án về địa điểm, diện tích, loại rừng, đơn giá, số tiền trồng rừng thay thế phải nộp và tài khoản tiếp nhận.

Lý do: Khoản 6 Điều 11 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT chưa quy định bước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thông báo cho chủ đầu tư sau khi nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, dẫn đến chưa xác định rõ thời điểm phát sinh nghĩa vụ tài chính và căn cứ để chủ đầu tư thực hiện nộp tiền.

b) Bổ sung thời hạn chủ đầu tư dự án nộp tiền trồng rừng thay thế

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền, chủ đầu tư dự án nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền.

Lý do: Quy định hiện hành có nội dung xử lý chênh lệch giữa số tiền phải nộp và “số tiền đã nộp”, nhưng chưa quy định cụ thể chủ đầu tư nộp tiền tại bước nào, nộp vào cơ quan nào và thời hạn thực hiện nghĩa vụ tài chính, gây khó khăn trong tổ chức thực hiện.

c) Sửa thời điểm tính thời hạn chuyển tiền giữa các Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh

Quy định Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền chuyển tiền sang Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi tiếp nhận trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ số tiền trồng rừng thay thế của chủ đầu tư dự án, thay cho mốc tính từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Lý do: Theo quy định hiện hành, Quỹ nơi đề nghị phải chuyển tiền trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và

Môi trường, trong khi chưa có quy định bảo đảm Quỹ đã nhận đủ tiền từ chủ đầu tư. Việc sửa mốc tính thời hạn bảo đảm Quỹ có đủ căn cứ và nguồn tiền để thực hiện chuyển tiền, đồng thời bảo đảm tính liên tục, khả thi của quy trình.

d) Làm rõ thời hạn giải quyết TTHC

Quy định thời hạn xử lý của các cơ quan nhà nước đối với trường hợp bố trí thực hiện trồng rừng thay thế tại địa phương khác là không quá 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; không bao gồm thời gian 03 ngày làm việc để chủ đầu tư thực hiện nghĩa vụ nộp tiền và thời gian thực hiện việc nộp bổ sung hoặc hoàn trả chênh lệch đơn giá, nếu có.

Lý do: Việc bổ sung bước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị thông báo cho chủ đầu tư làm tăng thêm 01 ngày làm việc của cơ quan nhà nước. Thời gian chủ đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính không phải là thời gian xử lý hồ sơ của cơ quan nhà nước nên cần được quy định tách riêng để xác định rõ trách nhiệm và thời hạn thực hiện của từng chủ thể.

1.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị bổ sung, sửa đổi khoản 6 Điều 11 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, cụ thể: Quy định tổng thời hạn xử lý của các cơ quan nhà nước là không quá 28 ngày làm việc, không bao gồm thời gian 03 ngày làm việc để chủ đầu tư thực hiện nghĩa vụ nộp tiền và thời gian thực hiện việc nộp bổ sung hoặc hoàn trả chênh lệch đơn giá (nếu có).

Đồng thời, bổ sung, sửa đổi một số bước thực hiện TTHC như sau:

- Bổ sung điểm đ (mới) quy định: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư dự án về địa điểm, diện tích, loại rừng, đơn giá, số tiền phải nộp và tài khoản tiếp nhận;

- Bổ sung điểm e (mới) quy định: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, chủ đầu tư dự án nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền;

- Sửa đổi điểm đ hiện hành thành điểm g và quy định: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ số tiền trồng rừng thay thế của chủ đầu tư dự án, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền chuyển tiền cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế;

- Chuyển điểm e hiện hành thành điểm h, tiếp tục quy định việc xử lý chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế và đánh lại thứ tự các điểm tương ứng.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Phương án khắc phục khoảng trống giữa bước Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo kết quả với bước Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh thực hiện chuyển tiền;; hạn chế việc trao đổi, hướng dẫn bổ sung và kéo dài thời gian giải quyết TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **194.400 đồng/năm.**
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **133.920 đồng/năm.**
- Chi phí tiết kiệm: **60.480 đồng/năm.**
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **31,11%.**

2. Lĩnh vực Trồng trọt: Thủ tục Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (Mã số TTHC: 1.012072)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Sửa đổi, bổ sung nội dung quy định về trách nhiệm tra cứu, kiểm tra, đối chiếu và cập nhật dữ liệu về Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng trong quá trình thẩm định, giải quyết hồ sơ.

a) Bổ sung bước tra cứu, kiểm tra, đối chiếu dữ liệu trong quá trình thẩm định hồ sơ

Trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng, cơ quan được giao giải quyết TTHC thực hiện tra cứu, kiểm tra, đối chiếu thông tin về chứng chỉ đã được cấp, tình trạng hiệu lực hoặc việc thu hồi chứng chỉ của cá nhân đề nghị cấp trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành dùng chung.

Lý do: Hiện mới quy định cơ quan được giao giải quyết TTHC “tổ chức thẩm định”, chưa quy định cụ thể trách nhiệm tra cứu, kiểm tra và đối chiếu thông tin chứng chỉ trên phạm vi toàn quốc. Sau khi thẩm quyền cấp chứng chỉ được phân cấp cho cấp tỉnh, việc chưa có cơ chế tra cứu dữ liệu dùng chung gây khó khăn trong xác minh thông tin và phát hiện trường hợp cá nhân đã được cấp chứng chỉ tại địa phương khác.

b) Bổ sung trách nhiệm cập nhật kết quả giải quyết TTHC vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành

Sau khi có kết quả giải quyết TTHC, cơ quan cấp chứng chỉ có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin về việc cấp, thu hồi hoặc thay đổi tình trạng hiệu lực của chứng chỉ vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành dùng chung trên phạm vi toàn quốc.

Lý do: Quy định hiện hành chưa xác định cụ thể trách nhiệm cập nhật, quản lý và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ tại địa phương. Việc bổ sung trách nhiệm cập nhật dữ liệu giúp bảo đảm thông tin được quản lý thống nhất, phục vụ việc tra cứu, kiểm tra và xác minh trong quá trình giải quyết TTHC.

c) Bổ sung cơ chế xây dựng, quản lý, kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu chuyên ngành

Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng; tổ chức kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC tại địa phương.

Việc tra cứu, kiểm tra và đối chiếu dữ liệu thuộc trách nhiệm của cơ quan giải quyết TTHC, không làm phát sinh thêm thành phần hồ sơ hoặc nghĩa vụ cung cấp thông tin đối với cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ.

Lý do: Việc giải quyết TTHC đã được phân cấp cho cấp tỉnh nhưng chưa có cơ sở dữ liệu chuyên ngành thống nhất để các địa phương khai thác, tra cứu và đối chiếu thông tin. Cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu giúp giảm thời gian xác minh thủ công, quản lý thống nhất thông tin chứng chỉ trên phạm vi toàn quốc và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

2.2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị bổ sung khoản 3 vào Điều 28 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 23 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026, như sau:

“3. Việc tra cứu, đối chiếu và cập nhật dữ liệu về Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng được thực hiện như sau:

a) Trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng, cơ quan được giao giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm tra cứu, kiểm tra, đối chiếu thông tin về chứng chỉ đã được cấp, tình trạng hiệu lực hoặc việc thu hồi chứng chỉ của cá nhân đề nghị cấp trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

b) Sau khi có kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cơ quan cấp chứng chỉ có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin về việc cấp, thu hồi hoặc thay đổi tình trạng hiệu lực của chứng chỉ vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

c) Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng; tổ chức kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương. Việc tra cứu, kiểm tra, đối chiếu dữ liệu không làm phát sinh thêm thành phần hồ sơ đối với cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ.”

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **118.800 đồng/năm.**
 - Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **82.080 đồng/năm.**
 - Chi phí tiết kiệm: **36.720 đồng/năm.**
 - Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **30,91%.**
-